

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **675/2024/HS-ST**

Ngày 17/12/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Kim Kiên;

Ông Nguyễn Phi Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 682/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 682/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Tiến K**, sinh ngày 23/11/1996; tên gọi khác: Không; nơi sinh tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Số A, tổ B, khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1968; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con út, có vợ là Bùi Thị Trúc L, sinh năm 1996 và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 14/5/1996; nơi cư trú: Số B, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1996, ngụ tại số B, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và Nguyễn Tiến K là bạn bè quen biết nhau từ khoảng năm 2014. Vào khoảng tháng 6/2019, bà H hỏi vay mượn tiền của K để mở quán cà phê chung với bạn thì K đồng ý cho vay với hình thức trả lãi theo

tháng với lãi suất 20%/tháng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xác định K đã thu lợi bất chính của bà H trong 02 lần cho vay, cụ thể như sau:

Khoản vay thứ 1: Ngày 17/6/2019, K thỏa thuận cho bà H vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) với lãi suất 20%/tháng nên tiền lãi mỗi tháng là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Ngày 20/8/2019, bà H trả cho K được 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) tiền lãi và chưa trả tiền gốc, tương đương 65 ngày với lãi suất thực tế là 18,46%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức lãi 1,67%/tháng mà K được hưởng trong khoản vay này là 1.085.500đ (Một triệu không trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm đồng); số tiền thu lợi bất chính là 10.914.500đ (Mười triệu chín trăm mười bốn ngàn năm trăm đồng).

Khoản vay thứ 2: Ngày 20/8/2019, bà H vay thêm Khoa 5.000.000đ (Năm triệu đồng), tổng tiền vay lần này là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) với lãi suất 20%/tháng nên tiền lãi mỗi tháng là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Ngày 30/10/2019, bà H trả cho K được 21.500.000đ (Hai mươi một triệu năm trăm ngàn đồng) tiền lãi và vẫn chưa trả tiền gốc, tương đương 72 ngày với lãi suất thực tế là 25.60%/tháng thì bà H không còn khả năng trả nợ nên K không lấy tiền lãi nữa. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức lãi 1,67%/tháng mà K được hưởng trong khoản vay này là 1.402.776đ (Một triệu bốn trăm lẻ hai ngàn bảy trăm bảy mươi sáu đồng); số tiền thu lợi bất chính là 20.097.224đ (Hai mươi triệu không trăm chín mươi bảy ngàn hai trăm hai mươi bốn đồng).

Ngày 20/01/2020, bà H và gia đình trả số tiền gốc 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) cho K.

Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức lãi suất 1,67%/tháng (20%/năm) mà K được hưởng trong 02 lần cho vay, từ ngày 17/6/2019 đến ngày 30/10/2019 là 2.488.276đ (Hai triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn hai trăm bảy mươi sáu đồng); số tiền thu lợi bất chính là 31.011.724đ (Ba mươi một triệu không trăm mười một ngàn bảy trăm hai mươi bốn đồng).

Tại Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định lãi suất do các bên tự thỏa thuận, nhưng không vượt quá 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng). Nguyễn Tiến K đã cho bà Nguyễn Thị Ngọc H vay tiền trong 02 lần vay với lãi suất từ 18.46%/tháng đến 25.06%/tháng đã vượt gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền Nguyễn Tiến K sử dụng để cho vay là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng); số tiền lãi Nguyễn Tiến K đã thu lợi bất chính là 31.011.724đ (Ba mươi một triệu không trăm mười một ngàn bảy trăm hai mươi bốn đồng).

Bản Cáo trạng số: 663/CT-VKS-BH ngày 19/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Tiến K về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến K từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng; về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Bị cáo không trình bày lời bào chữa.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tiến K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Từ ngày 17/6/2019 đến ngày 30/10/2019, Nguyễn Tiến K đã có hành vi sử dụng số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Ngọc H vay với lãi suất từ 18,46%/tháng đến 25,06%/tháng, vượt gấp 05 lần trở lên của mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự để thu lời bất chính số tiền 31.011.724đ (Ba mươi một triệu không trăm mười một ngàn bảy trăm hai mươi bốn đồng).

Bị cáo đồng ý với bản cáo trạng truy tố và không có ý kiến gì thêm.

Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập, nhận thấy có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Tiến K đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng để bị cáo lấy đó làm bài học cho mình mà tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời cũng để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong thời gian bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo chấp hành nghiêm quy định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, chấp hành đúng chính sách, pháp luật và không vi phạm pháp luật gì; trong thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền sung vào ngân sách nhà nước; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên và áp dụng thêm Điều 35 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt cho bị cáo mà vẫn đạt được yêu cầu của việc phòng và chống tội phạm.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Hội đồng xét xử xét thấy hình phạt chính là hình phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo phải nộp sung vào ngân sách nhà nước số tiền 35.000.000 đồng, là tiền dùng vào việc phạm tội; phải nộp sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.488.276 đồng, là tiền thu lời bất chính (tiền lãi) do phạm tội mà có; bị cáo K đã nộp lại tổng số tiền 37.448.276 đồng để sung vào ngân sách nhà nước theo Biên lai thu tiền số 0002795 ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đối với việc buộc bị cáo phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 31.011.724 đồng, là tiền thu lời do phạm tội gây ra. Ngày 03/12/2024, bà H xác nhận giữa bà với bị cáo K đã thỏa thuận giải quyết xong số tiền này và bà H không yêu cầu dân sự gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật hình sự. Điều 45, Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 327, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến K phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Tiến K 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

2. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 37.488.276đ (Ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn hai trăm bảy mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0002795 ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu về dân sự gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đường Anh Sơn